

A. CẤU TRÚC ĐỀ

1. Phần 1: Đọc hiểu (4,0 điểm):

- Truyện ngắn/ thơ trữ tình hiện đại
- Văn bản nghị luận
- Tiếng Việt: Ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết; Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

2. Phần 2: Làm văn (6,0 điểm)

Viết 1 đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ): (2,0 điểm)

- Về một vấn đề văn học (đặt ra từ VB đọc hiểu)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ): (4,0 điểm)

- + Về một vấn đề xã hội (hình thành lối sống tích cực trong XH hiện đại)

Thời gian làm bài: 90 phút

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Đọc hiểu

1. Ngữ liệu:

- Ngữ liệu cho phần Đọc hiểu là một đoạn trích thuộc văn bản truyện ngắn/thơ hoặc đoạn trích thuộc văn bản nghị luận ngoài sách giáo khoa. Học sinh cần vận dụng đặc điểm thể loại văn bản truyện/thơ và văn bản nghị luận để trả lời câu hỏi theo mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

2. Các dạng câu hỏi đọc hiểu

***Đối với văn bản truyện ngắn hiện đại:**

Nhận biết:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, chi tiết tiêu biểu, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật, ...
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn hiện đại.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn hiện đại.
- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết, nhân vật... trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.

Vận dụng:

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.

Đối với thơ trữ tình hiện đại*Nhận biết:**

- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại.
- Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.
- Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ.
- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn.

Thông hiểu:

- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

Đối với văn bản nghị luận:*Nhận biết:**

- Xác định vấn đề nghị luận của văn bản.
- Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết
- Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản.

Thông hiểu:

- Xác định được hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong văn bản.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.
- Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.
- Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.

Vận dụng:

- Rút ra thông điệp, tư tưởng của văn bản.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.
- Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.

Tiếng Việt: Ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết; Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

II. Viết

1. Viết đoạn văn nghị luận về đoạn trích/tác phẩm truyện (Khoảng 200 chữ)

Nhận biết:

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.
- Xác định rõ mục đích, đối tượng nghị luận.
- Giới thiệu khái quát thông tin chính về tác giả, tác phẩm, đoạn trích...
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.

Thông hiểu:

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.
- Phân tích được giá trị đặc sắc về nội dung, nghệ thuật (chú trọng nhân vật, chi tiết nghệ thuật) của đoạn trích/tác phẩm truyện.)
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm;
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích;
- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của đoạn trích/tác phẩm đối với con người, xã hội.
- Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic

2. Viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội (hình thành lối sống tích cực trong XH hiện đại) (Khoảng 600 chữ)

Nhận biết:

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.
- Xác định rõ mục đích, đối tượng nghị luận.
- Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

Thông hiểu:

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.
- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.
- Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic

C. KỸ NĂNG LÀM BÀI

1. Nắm vững kĩ năng làm văn: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.
2. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận và kĩ năng viết bài văn nghị luận để viết một bài văn nghị luận có bố cục chặt chẽ, lôgic, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, giàu cảm xúc.

D. ĐỀ MINH HỌA và ĐÁP ÁN ĐỀ MINH HỌA

SỞ GD & ĐT QUẢNG TRỊ
TRƯỜNG THPT HƯỚNG HÓA

ĐỀ MINH HỌA
(Đề có 2 trang)

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: Ngữ văn Khối 11

Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Lớp..... SBD:.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chặt vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó.

(Trích *Nhà mẹ Lê* - Thạch Lam, Nhà xuất bản Đời nay, 1937)

Thực hiện những yêu cầu:

Câu 1 : Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản trên?

Câu 2 : Trong đoạn trích, ngoại hình nhân vật bác Lê được tác giả miêu tả như thế nào?

Câu 3: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: “*Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc*”

Câu 4: Tình cảm của nhà văn thể hiện trong đoạn trích trên?

Câu 5: Tình cảnh nhà bác Lê trong đoạn trích gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về những mảnh đời nghèo khổ, bất hạnh ở cuộc sống ngoài đời thực?

II. Phần Viết (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về nhân vật người mẹ trong truyện ngắn “Lòng mẹ” (Nguyễn Bích Lan)

Năm 21 tuổi, tôi bị sốt một trận nhớ đời. Vào ngày thứ ba nằm bệnh, sau một cơn sốt li bì tôi mở mắt ra nhìn xung quanh thấy mẹ tôi đang đứng bên khung cửa hướng ra ban công chải tóc. Cái cách mẹ chải tóc không hẩn nhẩn nha nhưng chăm chú. Mẹ cứ chải miết, chải miết, như thể bị ám ảnh bởi việc chải tóc hoặc mẹ nghĩ mình cần phải chải tóc thật kĩ. Nhìn mẹ đứng chải tóc không hiểu sao lòng tôi dâng lên cảm giác khó chịu. Mẹ có nhất thiết phải chăm chút cho mái tóc kĩ đến mức ấy trong lúc tôi đang ốm không?

Cảm giác ấy trong tôi cứ tăng lên theo từng nhát lược mẹ chải. Đúng lúc tôi nghĩ mình không thể nào chịu nổi cảnh ấy nữa thì mẹ ngừng chải tóc. Mẹ chậm rãi gỡ những sợi tóc giắt khắp các răng lược, vo thành một búi tóc nhỏ. Cầm búi tóc và cái chén đã để sẵn trên bàn, mẹ đi đến bên giường nói với tôi bằng giọng nhỏ nhẹ: “Đưa chân ra đây để mẹ đánh cảm cho nào!”. Lúc ấy tôi mới biết mẹ tôi được hàng xóm mách rằng dùng búi tóc với rượu để đánh cảm sẽ trị được bệnh cảm sốt”.

Tôi tự hỏi những đứa con như tôi bao nhiêu tuổi mới hiểu hết tình yêu thương của lòng mẹ.

(“Lòng mẹ”, Nguyễn Bích Lan, Báo Hà Tĩnh, 02/02/2015)

Câu 2. (4,0 điểm)

Thế giới ngày mai thuộc về những người có tầm nhìn hôm nay. (Robert Schulle)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về tầm nhìn của những người trẻ trong thời đại ngày nay.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 11

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 5 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phong cách ngôn ngữ: Nghệ thuật Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng phong cách “Nghệ thuật”: không cho điểm	0,75
	2	Trong đoạn trích, ngoại hình nhân vật bác Lê được tác giả miêu tả: <i>một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô</i> Hướng dẫn chấm: + Học sinh trả lời như đáp án hoặc nêu được người đàn bà nhà quê chắc chắn, thấp bé, da mặt và chân tay răn reo: 0.75 điểm. + Học sinh trả lời được nửa ý: 0.25 điểm + Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm	0,75
	3	- Biện pháp tu từ: So sánh: “trông như một cái ổ chó” - Tác dụng: Tăng sức gợi hình, biểu cảm; nhằm miêu tả rõ tình cảnh nghèo khổ, đáng thương của nhà mẹ Lê. Hướng dẫn chấm: Học sinh trả lời như đáp án (chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng đảm bảo đúng ý): 1,0 điểm. + Chỉ ra được biện pháp tu từ so sánh “trông như một cái ổ chó” : 0,5 điểm. + Trả lời được tác dụng: 0,5 điểm (Trong đó, mỗi ý được 0,25 điểm). + Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm	0,75
	4	Tình cảm của nhà văn: Gợi ý: - Xót thương, cảm thông cho tình cảnh của mẹ Lê. - Trân trọng tấm lòng của người mẹ nghèo. Hướng dẫn chấm: + Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. + Câu trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm. (Chấp nhận diễn đạt tương đồng.)	0,75
	5	Học sinh có suy nghĩ riêng, không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Gợi ý: - Ngoài đời thực vẫn còn những con người có hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh. - Cuộc sống hiện nay dù vẫn còn mảnh đời bất hạnh nhưng không đến mức như nhà mẹ Lê. Vì xung quanh vẫn còn những nhà hảo tâm, tấm lòng thiện nguyện.	1,0

		Hướng dẫn chấm: + Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. + Câu trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm. (Chấp nhận diễn đạt tương đồng.)	
--	--	--	--

II		Viết	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về nhân vật người mẹ trong truyện ngắn “Lòng mẹ” (Nguyễn Bích Lan)	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nhân vật người mẹ trong truyện ngắn “Lòng mẹ” (Nguyễn Bích Lan)	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu nhân vật người mẹ trong truyện ngắn “Lòng mẹ” (Nguyễn Bích Lan) - Cảm nhận về nhân vật người mẹ + Là người phụ nữ dịu dàng, tỉ mỉ và cẩn trọng từ những việc nhỏ nhất như chải tóc. + Là người mẹ giàu tình thương yêu. + Nghệ thuật xây dựng nhân vật được khắc họa qua hành động, lời kể chân thực, giàu cảm xúc... - Khẳng định lại vấn đề. Gợi ý: Truyện ngắn “Lòng mẹ” của nhà văn Nguyễn Bích Lan gửi tới người đọc thông điệp về tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng. Đồng thời, tác phẩm như một lời nhắn nhủ, nhắc nhở mỗi người chúng ta hãy biết thấu hiểu, trân trọng, biết ơn đáng sinh thành. Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt	0,25

		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong bài văn.	
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	<i>Thế giới ngày mai thuộc về những người có tầm nhìn hôm nay.</i> (Robert Schuller) Viết bài văn nghị luận (<i>khoảng 600 chữ</i>) bàn về tầm nhìn của những người trẻ trong thời đại ngày nay.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Tầm nhìn của những người trẻ trong thời đại ngày nay.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> Xác định được các ý chính của bài viết. Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: Sau đây là một gợi ý: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích vấn đề nghị luận. <i>Gợi ý:</i> Tầm nhìn là khả năng nhìn xa trông rộng, hình dung được bức tranh toàn cảnh rõ nét về tương lai của một tổ chức, cá nhân hay một quốc gia dân tộc,... - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Tại sao những người trẻ cần phải có tầm nhìn? ++ Thời đại số hoá cuộc sống thay đổi từng giây nên tầm nhìn quyết định sự thành công trong cuộc sống của mỗi người. ++ Tầm nhìn giúp chúng ta xác định hướng đi, lộ trình của cuộc đời, khẳng định giá trị mục đích sống. + Làm thế nào để người trẻ có tầm nhìn xa trông rộng: ++ Biết đặt mình vào vị trí của người khác, luôn quan tâm và tôn trọng những người xung quanh, xem xét vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau. ++ Luôn hướng đến bức tranh toàn cảnh của cá nhân và xã hội trong tương lai. ++ Dám nghĩ dám làm, học hỏi và cầu thị ++ Trao dồi kiến thức, kỹ năng, tích lũy kinh nghiệm. ... - Dẫn chứng chứng minh - Mở rộng: Trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,... Có tầm “nhìn xa trông rộng” không có nghĩa là chỉ nghĩ tới tương lai, thậm chí ảo tưởng về tương lai mà quên đi thực tại.	1,0

		* Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	1,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	Tổng điểm		10,0